

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 19 -05- 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quyền

Các Thẩm phán:

Ông Trương Hoài Bình

Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “*ly hôn, tranh chấp về tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/HNGĐ-ST ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Diễm Th**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: 192/24/7, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Đặng Trọng T** – Văn phòng Luật sư Thanh Liêm – Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc Ph**, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Văn S – Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Trần Thị Mỹ H**, sinh năm 1988

Địa chỉ: phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

3.2. Bà **Huỳnh Kim Ng**, sinh năm 1980

Địa chỉ: phường Th, quận B, thành phố Cần Thơ.

3.3. Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1959

Địa chỉ: phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

3.4. Anh **Nguyễn Thái Ph**, sinh năm 1998

Địa chỉ: quận B, thành phố Cần Thơ.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

4. Người kháng cáo: bị đơn Nguyễn Ngọc Ph

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn bà Diễm Th trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Nguyễn Ngọc Ph tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/1996 tại ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nguyên nhân do ông Ph thường xuyên vắng nhà, không có sự chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã có thời gian ly thân từ rất lâu và cho đến nay vẫn không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn. Do vậy bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Ph.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thái Ph, sinh năm 1998. Con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản:

- Tài sản chung: vào năm 2003 vợ chồng có mua phần đất tại địa chỉ 192/24/7 Nguyễn Thông, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ, như ông Ph trình bày. Năm 2009, ông Ph có viết giấy ủy quyền cho con chung là Nguyễn Thái Ph được hưởng 50% tài sản, 50% còn lại thuộc quyền sở hữu của bà, nhưng chưa làm thủ tục sang tên thì đến năm 2012, do làm ăn nợ nần nên vợ chồng đã thống nhất bán phần đất trên cho em gái bà là Trần Thị Mỹ H. Số tiền bán đất đã lấy trả nợ hết. Đến năm 2014, thấy bà không có chỗ ở, nên em gái bà đã làm hợp đồng tặng cho riêng bà phần đất nói trên để xây nhà (do khi đó vợ chồng bà phải giao trả lại căn nhà tập thể đang ở). Sau đó bà đã tiến hành xây dựng nhà với chi phí khoảng hơn ba trăm triệu và chủ yếu là phải đi vay mượn của người quen nên mới có số nợ như hiện nay. Do vậy, nay bà yêu cầu ông Ph phải có nghĩa vụ cùng trả với bà các khoản nợ của bà H, bà Ng, bà L. Trường hợp nếu ông Ph không tranh chấp về tài sản thì bà đồng ý tự trả các khoản nợ nêu trên.

- Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ, ông Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung: ông thống nhất thời gian kết hôn, con chung và những mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng như bà Th trình bày. Vợ chồng hiện đã ly thân và không có tiếng nói chung nên cũng thống nhất ly hôn.

Về tài sản chung: vợ chồng có 01 căn nhà và phần đất có diện tích 90,4m², tại thửa 175, quận B, thành phố Cần Thơ. Phần đất này có nguồn gốc là do

ông nhận chuyển nhượng từ tháng 6/2003, đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/12/2004. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng đã xây dựng 01 căn nhà để ở, được cấp phép xây dựng. Đến năm 2018, bà Th tự ý đem tài sản này tặng cho con trai là Nguyễn Thái Ph mà ông không được biết. Ông không đồng ý với việc tặng cho này, yêu cầu được chia đôi tài sản chung là phần đất và căn nhà trên đất tại địa chỉ 192/24/7 Nguyễn Thông, quận B, thành phố Cần Thơ.

Ngày 15/12/2020, ông Ph có đơn phản tố yêu cầu được chia đôi tài sản chung là phần đất và nhà nêu trên.

Về nợ: Các khoản nợ do tự ý bà Th vay mượn, ông không được biết, cũng không ký tên vào biên nhận nợ. Do vậy nay ông không đồng ý liên đới trả.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Huỳnh Kim Ng trình bày: Do quen biết, nên vào năm 2014, bà có cho bà Trần Thị Diễm Th vay số tiền 80.000.000 đồng để xây nhà, có làm biên nhận, bà Th có ký tên. Đến nay bà Th chưa trả cho bà số tiền nêu trên. Nay được biết bà Th và ông Ph đang làm thủ tục ly hôn tại tòa, do vậy, bà có đơn khởi kiện độc lập, yêu cầu bà Th và ông Ph cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền 80.000.000 đồng nêu trên.

Bà Bùi Thị L trình bày: Là chỗ quen biết nên bà có cho bà Trần Thị Diễm Th vay số tiền 140.000.000 đồng để xây nhà, có lập biên nhận vay vào ngày 11/5/2014. Đến nay bà Th chưa trả cho bà số tiền nêu trên. Nay được biết bà Th và ông Ph đang làm thủ tục ly hôn tại tòa, do vậy, bà có đơn khởi kiện độc lập, yêu cầu bà Th và ông Ph cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền nêu trên.

Bà Trần Thị Mỹ H trình bày: Năm 2018, bà có cho bà Th vay số tiền 45.000.000 đồng để xây nhà, vì là chị em ruột nên không có làm biên nhận. Đến nay bà Th chưa trả cho bà số tiền nêu trên. Nay được biết bà Th và ông Ph đang làm thủ tục ly hôn tại tòa, do vậy, bà có đơn khởi kiện độc lập, yêu cầu bà Th và ông Ph cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền 45.000.000 đồng đã vay.

Vì lý do công việc nên bà Ng, bà L, bà H có đơn yêu cầu không hòa giải và xin được vắng mặt trong quá trình tòa giải quyết vụ án.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2020/HNGĐ-ST ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân quận B đã quyết định:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Diễm Th đối với ông Nguyễn Ngọc Ph

2/ Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét

3/ Tài sản chung:

- **Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Ngọc Ph về việc chia tài sản chung:** Buộc bà Trần Thị Diễm Th phải có nghĩa vụ giao trả 50% giá trị căn nhà tại địa chỉ phường A, quận B, thành phố Cần Thơ, cho ông

Nguyễn Ngọc Ph là: 139.644.000 (một trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng)

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc Ph về yêu cầu chia giá trị phần đất có diện tích 90,4m² tại địa chỉ nêu trên.

4/Về nợ chung:

- **Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Kim Ng:** Buộc bà Trần Thị Diễm Th và ông Nguyễn Ngọc Ph phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Kim Ng số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng)

- **Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị L:** Buộc bà Trần Thị Diễm Th và ông Nguyễn Ngọc Ph phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị L số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng)

- **Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ H:** Buộc bà Trần Thị Diễm Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Mỹ H số tiền nợ là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng)

+ Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ H về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Ph liên đới trả số tiền nêu trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/6/2021, ông Ph kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chia đôi tài sản chung là quyền sử dụng đất 90,4m², bác yêu cầu trả nợ chung đối với số nợ của bà Lt và bà Ng. Đến ngày 28/6/2021, ông Ph kháng cáo bổ sung yêu cầu định giá lại căn nhà do không sát giá thị trường, không đồng ý mức giá trị mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng thừa đất 175, ông Ph mua vào năm 2003 với giá 90.000.000đ, Còn đối với hợp đồng chuyển nhượng mà ông và bà Th ký chuyển nhượng cho bà H vào năm 2012 thì chỉ là giả cách (trong hợp đồng ghi giá chuyển nhượng 40.000.000đ) nhằm cho bà H mượn tài sản để đi vay tiền ngân hàng chứ không phải là chuyển nhượng thật. Đối với căn nhà được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, đây là tiền đi mượn và tiền của vợ chồng ông Ph, khi nhà xây dựng xong thì ông Ph và cả gia đình vẫn sinh sống tại đây cho đến nay. Việc bà Th tự ý đem tài sản này tặng cho con chung là Nguyễn Thái Ph ông Ph không được biết nên không đồng ý với việc tặng cho này. Đối với các khoản nợ mà người liên quan yêu cầu, không liên quan đến ông Ph, bà Th phải tự trả các khoản nợ này. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Ph.

Ông Ph thống nhất quan điểm của người bảo vệ, thống nhất việc bà H rút đơn khởi kiện vì không liên quan đến ông.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th trình bày: Phần đất và căn nhà tại địa chỉ 192/24/7 quận B, thành phố Cần Thơ, đã không còn là tài sản chung của ông Ph và bà Th vì tài sản này hiện đã được tặng cho hợp pháp cho anh Nguyễn Thái Ph, được xác nhận sang tên vào ngày 17/5/2018. Tài sản này, vào năm 2012, ông Ph và bà Th đã chuyển nhượng cho bà Trần Thị Mỹ H, sau đó bà H tặng cho riêng bà Th, nên đây là tài sản riêng mà bà Th có được trong thời kỳ hôn nhân. Nên, việc bà Th tặng cho lại tài sản này cho anh Ph là hoàn toàn hợp pháp. Do vậy, việc ông Ph yêu cầu chia đôi tài sản này là không có cơ sở. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu này của ông Phi.

Tại phiên tòa, bà Thúy tự nguyện trả cho ông Ph 100.000.000đ và đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L và bà Ng, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bà Th.

- Bà Th thống nhất trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, thống nhất việc bà H rút đơn khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Về kháng cáo của bị đơn thấy rằng, cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất là tài sản riêng của bà Th là có căn cứ, bởi tài sản này bà Th được bà H tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân. Ông Ph kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì khác nên đề nghị không chấp nhận.

Về căn nhà và mái che được hình thành trong thời kỳ hôn nhân do bà Th đứng tên quyền sở hữu, bà Th cũng đã tặng cho con trai là Nguyễn Thái Ph, hiện không còn, tài sản này được hình thành từ nguồn tiền của vợ chồng và tiền vay của bà Ng và bà L nên phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L và bà N, tại phiên tòa, bà Th tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Ng, bà L, và đồng ý chia cho ông Ph 100.000.000đ là có lợi cho ông Ph, nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện của bà Th. Đối với yêu cầu của bà H, bà H rút đơn khởi kiện, bà Th đồng ý nên cần hủy và đình chỉ giải quyết phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn và nợ chung” và giải quyết

là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn nhận thấy:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình xét xử sơ thẩm, bà Diễm Th và ông Ph đều thuận tình ly hôn nhưng cấp sơ thẩm chỉ quyết định “chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Diễm Th đối với ông Nguyễn Ngọc Ph” không nêu cụ thể là công nhận thuận tình ly hôn là chưa phù hợp, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Diễm Th và ông Ph tiếp tục thuận tình ly hôn nên cần Công nhận thuận tình ly hôn giữ bà Diễm Th và ông Ph.

[3] Về tài sản:

Tại phiên tòa, ông Ph và bà Diễm Th thống nhất giá trị tài sản tranh chấp theo như Chứng thư thẩm định giá ngày 21/4/2022, cụ thể:

- Giá trị quyền sử dụng thửa đất số 175, diện tích 90,4m² đất là **1.980.031.200đ**.

- Giá trị nhà ở kiên cố có chứng nhận trên giấy 71,99m² x 5.500.000đ/m² x 68%= 268.478.496đ.

- Giá trị nhà ở không có chứng nhận trên giấy: 31,36m² x 4.500.000đ/m² x 70%= 98.899.672đ.

- Giá trị mái che phía trước 13,64m² x 1.500.000đ/m² x 65%= 13.299.000đ

Tổng giá trị tài sản là nhà và mái che là: **380.677.168đ**.

[3.1] Về nguồn gốc thửa đất 175, diện tích 90,4m², trước năm 2003 là của ông Ph, bà Diễm Th. Đến ngày 31/8/2012, ông Ph, bà Diễm Th chuyển nhượng lại cho bà Trần Thị Mỹ H, bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02373 ngày 25/9/2012. Đến ngày 25/4/2014, bà H tặng cho lại bà Trần Thị Diễm Th, bà Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay bà Th cũng đã tặng cho con là Nguyễn Thái Ph, anh Ph đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, kể từ thời điểm bà H đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất của ông Ph và bà Th đã chấm dứt. Bà H tặng cho riêng bà Th, đây là tài sản riêng của bà Th theo quy định tại Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình, cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản riêng của bà Th là có căn cứ. Ông Ph kháng cáo cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng, nhưng không có căn cứ gì chứng minh nên không được chấp nhận.

[3.2] Về căn nhà và mái che hình thành trên thửa đất trị giá **380.677.168đ**: Đây là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, tài sản này bà Th đã đăng ký cấp quyền sở hữu, đã tặng cho con chung là Nguyễn Thái Ph vào năm 2018.

Về quá trình hình thành tài sản: ông Ph thừa nhận vợ chồng dự tính xây dựng nhà khoảng 400.000.000đ, vợ chồng có khoảng 200.000.000đ, số tiền còn lại phải đi vay, quá trình cất nhà ban đầu bị chủ thầu giật hơn 100.000.000đ, nên phải hợp đồng với chủ thầu khác, chi phí xây dựng hết bao nhiêu thì ông không rõ. Còn theo bà Th, khi xây dựng nhà, vợ chồng không có tiền, phải đi vay Ngân hàng và bên ngoài, mọi việc vay mượn đều do bà đi vay, cụ thể: vay bà Nhân 03 cây vàng (đã trả xong), vay Ngân hàng 80.000.000đ (đã trả xong), vay bà Luật 140.000.000đ, vay bà Ngọc 80.000.000đ, vay của bà Hạnh 45.000.000đ; cấp sơ thẩm xác định bà Thúy có vay tiền của bà Luật và bà Ngọc để cất nhà là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bà Th đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Ng và bà L, đồng ý chia cho ông Ph công sức đóng góp duy trì, phát triển quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng căn nhà 100.000.000đ là có lợi cho ông Ph, nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện của bà Thúy.

[3.3] Đối với yêu cầu của bà Ng và bà L về việc yêu cầu ông Ph chịu trách nhiệm liên đới trả nợ:

Bà Ng và bà L cho cá nhân bà Th vay tiền để cất nhà, ông Ph không biết, bà Th đứng tên cá nhân quyền sở hữu nhà. Do tài sản này bà Th đã tặng cho con trai là Nguyễn Thái Ph, nên bà Th phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L và bà Ng là phù hợp, cũng phù hợp với sự tự nguyện của bà Th.

[3.4] Đối với yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Mỹ H, bà H rút đơn khởi kiện, bà Th và ông Ph đồng ý việc bà H rút đơn khởi kiện, nên căn cứ vào Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự, cần hủy và đình chỉ phần yêu cầu này.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí thẩm định, định giá:

Cấp sơ thẩm chi hết 2.200.000đ, cấp phúc thẩm chi hết 8.000.000đ, ông Ph đã tạm nộp khoản tiền này để thanh toán nên bà Th phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Ph 5.100.000đ.

[6] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Ph là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp.

Bà Th phải chịu án phí 15.000.000đ.

- Án phí phúc thẩm: Ông Phi được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, 43, 45, 51, Điều 55, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Ph, Sửa một phần Bản án sơ thẩm

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Diễm Th và ông Nguyễn Ngọc Ph.

2. Về chia tài sản chung:

1.1. Xác định quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 175, tờ bản đồ số 60, diện tích 90,4m², tọa lạc tại đường Nguyễn Th, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ là tài sản riêng của bà Trần Thị Diễm Th trong thời kỳ hôn nhân nhưng đã tặng cho anh Nguyễn Thái Ph.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc Ph đối với bà Trần Thị Diễm Th về yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa số 175, tờ bản đồ số 60, diện tích 90,4m².

1.2. Xác định căn nhà và mái che trên thửa đất số 175, tờ bản đồ số 60 là tài sản chung của ông Nguyễn Ngọc Ph và bà Trần Thị Diễm Th trong thời kỳ hôn nhân do bà Th đứng tên giấy chứng nhận sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất, nhưng đã tặng cho anh Nguyễn Thái Ph, hiện nay anh Ph đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CS08017 ngày 07/5/2018.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Diễm Th có trách nhiệm giao cho ông Nguyễn Ngọc Ph một khoản tiền tương ứng công sức đóng góp duy trì, phát triển quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng căn nhà là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

3. Về nghĩa vụ trả nợ:

3.1. Buộc bà Trần Thị Diễm Th có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Kim Ng số tiền 80.000.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngọc về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Ph liên đới trả số nợ này.

3.2. Buộc bà Trần Thị Diễm Th có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị L số tiền 140.000.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Ph liên đới trả số nợ này.

3.3. Hủy và đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ H đối với bà Trần Thị Diễm Th và ông Nguyễn Ngọc Ph.

4. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ và thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bà Trần Thị Diễm Th phải chịu 5.100.000đ để chuyển trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Ph.

Ông Nguyễn Ngọc Ph phải chịu 5.100.000đ, công nhận đã nộp và chi xong.

6. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

- *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Th phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu số 004338 ngày 17/02/2020 thành án phí.

+ *Án phí chia tài sản, nợ chung*:

Bà Trần Thị Diễm Th phải nộp 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Ông Ph được miễn án phí nên được nhận lại 3.839.875 đồng theo biên lai thu số 004459 ngày 12/5/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy.

Bà Huỳnh Kim Ng được nhận lại 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004640 ngày 06/8/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy.

Bà Trần Thị Mỹ H được nhận lại 1.125.000 đồng (một triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004641, ngày 06/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc Ph không phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND-TPCT
- TAND Q.Bình Thủy
- Các đương sự
- Chi Cục THADS Q.Bình Thủy
- UBND xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Quyền